THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 77/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02 tháng 4 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02 tháng 4 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 90/NQ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 816/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1762/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang tại Tờ trình số 388/TTr-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2024 về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Công văn số 8005/UBND-TH ngày 13 tháng 12 năm 2024 và Công văn số 8425/UBND-TH ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc hoàn thiện hồ sơ Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Tiền Giang; ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 7356/BKHĐT-QLQH ngày 13 tháng 9 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Điều 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước Thủ tướng Chính phủ về nội dung tổng hợp, tiếp thu, giải trình

ý kiến tham gia của các bộ, cơ quan liên quan; tính chính xác của thông tin, số liệu nêu trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các đề án, dự án trong Phụ lục (kèm theo).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trần Hồng Hà

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH
Thực hiện Quy hoạch tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

(Kèm theo Quyết định số 77/QĐ-TTg ngày 12 tháng 01 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai tổ chức thực hiện hiệu quả Quyết định số 1762/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi tắt là Quy hoạch tỉnh).

- Xây dựng lộ trình tổ chức triển khai; xác định cụ thể tiến độ và nguồn lực để thực hiện các chương trình, đề án, dự án nhằm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt.

- Xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền các cơ chế, chính sách, giải pháp nhằm thu hút các nguồn lực trong việc thực hiện quy hoạch.

2. Yêu cầu

- Bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, liên kết, kế thừa các nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch thực hiện các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long, kế hoạch đầu tư công đã được phê duyệt.

- Bảo đảm tính khả thi, linh hoạt, phù hợp với thực tiễn của tỉnh.

- Phân bổ nguồn lực có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với khả năng huy động; kết hợp hài hòa giữa các nguồn lực. Trong đó, đầu tư công có tính kích hoạt, dẫn dắt để thu hút nguồn vốn đầu tư của xã hội, tạo đột phá phát triển.

- Huy động tối đa và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; sự tham gia của các thành phần kinh tế theo hướng hiệu quả, bền vững, trong đó tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội (hạ tầng giao thông, đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, thủy lợi, cấp nước, giáo dục - đào tạo, y tế…)

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, các nhân nhằm đề cao tính chủ động, sáng tạo, linh hoạt trong việc triển khai Kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện đồng bộ hệ thống các quy hoạch

Rà soát, lập, điều chỉnh các quy hoạch đô thị, nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật, bảo đảm thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt. Thông báo công khai danh mục các quy hoạch đã hết hiệu lực theo quy định tại Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2019 và Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch.

2. Triển khai thực hiện các chương trình, dự án

a) Dự án đầu tư công:

- Tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại tạo sức lan tỏa, nhất là hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông, thúc đẩy liên kết với các địa phương trong vùng đồng bằng sông Cửu Long với vùng Đông Nam Bộ. Ưu tiên đầu tư phát triển các ngành, lĩnh vực trọng tâm, động lực của tỉnh: kinh tế biển, công nghiệp và đô thị trong đó chú trọng kết nối đô thị - công nghiệp tại vùng kinh tế biển Gò Công, vùng công nghiệp Tân Phước và hành lang dọc sông Tiền tạo nền tảng quan trọng để thu hút đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và du lịch trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, khoa học và công nghệ, bảo trợ xã hội, thu gom, xử lý nước thải, chất thải; phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn; quốc phòng, an ninh; hạ tầng thủy lợi; cấp nước, thoát nước; phòng, chống thiên tai thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng;...

- Danh mục các dự án quan trọng dự kiến đầu tư: tại phụ lục kèm theo.

b) Dự án đầu tư sử dụng các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công:

- Ưu tiên thu hút các nhà đầu tư năng lực tài chính mạnh, sử dụng công nghệ hiện đại và sử dụng lao động trình độ cao.

- Các ngành, lĩnh vực ưu tiên thu hút đầu tư được xác định căn cứ vào các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá phát triển và phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực được xác định trong Quyết định phê duyệt Quy hoạch tỉnh, gồm:

+ Xây dựng hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và hạ tầng logistics.

+ Xây dựng các công trình cảng biển, bến cảng thủy nội địa, cảng cá, cảng chuyên dùng, cảng hành khách…;

+ Các dự án phát triển vùng kinh tế biển, ven biển; phát triển năng lượng sạch;

+ Các dự án xây dựng hạ tầng thương mại - dịch vụ; khu đô thị, khu dân cư; dự án nhà ở xã hội; các dự án chế biến nông sản, thủy sản…;

+ Các dự án cấp nước thô, nước sạch phục vụ sản xuất công nghiệp, đô thị và nông thôn;

+ Các dự án đầu tư phát triển du lịch, giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao, công nghệ - thông tin và đảm bảo an sinh xã hội;

+ Các dự án về xử lý rác thải, nước thải và giảm ô nhiễm môi trường…

- Danh mục các dự án quan trọng dự kiến đầu tư: Tại Phụ lục kèm theo.

c) Nguồn lực thực hiện quy hoạch:

Để thực hiện mục tiêu tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) đạt 7,0 - 8,0%/năm giai đoạn 2021 - 2030, tỉnh Tiền Giang dự kiến cần huy động tổng số vốn đầu tư toàn xã hội khoảng 649,9 - 663,5 nghìn tỷ đồng, cụ thể:

Nguồn vốn	**Cơ cấu trong tổng vốn giai đoạn 2021 - 2030**	
	Giai đoạn 2021 - 2025	**Giai đoạn 2026 - 2030**
Tổng cộng	**246,6 nghìn tỷ đồng**	**403,3 - 416,9 nghìn tỷ đồng**
Nguồn vốn khu vực nhà nước	27,4% (tương đương 67,58 nghìn tỷ)	25,7% - 26,6% (tương đương 107,34 nghìn tỷ)
Nguồn vốn khu vực ngoài nhà nước	64,4% (tương đương 158,73 nghìn tỷ)	62,9% - 65% (tương đương 262,34 nghìn tỷ)
Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)	8,2% (tương đương 20,291 nghìn tỷ)	8,4% - 11,4% (tương đương 33,646 - 47,280 nghìn tỷ)

3. Kế hoạch sử dụng đất

Thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về đất đai, bảo đảm khả thi, hiệu quả, bền vững và phù hợp với quy định của Luật Đất đai, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch vùng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030; Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 về phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025 và Quyết định số 227/QĐ-TTG ngày 12 tháng 3 năm 2024 về điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025; Quyết định số 95/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2023 phê duyệt quy hoạch sử dụng đất

an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 47/QĐ-TTg ngày 09 tháng 5 năm 2024 phê duyệt quy hoạch sử dụng đất quốc phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; quy hoạch tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 và các quy định khác có liên quan.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển và đẩy mạnh liên kết vùng

- Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư, huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển. Nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách phát triển các ngành, lĩnh vực, trong đó ưu tiên đầu tư phát triển đi đôi với các chính sách ưu đãi đầu tư nhằm tạo cơ hội, động lực cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, tìm kiếm cơ hội kinh doanh.

- Xây dựng, ban hành chính sách đột phá phù hợp chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước nhằm thu hút đầu tư, nhất là các nhà đầu tư lớn trong và ngoài nước để phát triển kết cấu hạ tầng chiến lược; phát triển các ngành kinh tế trọng điểm, động lực như: kinh tế nông nghiệp, kinh tế biển, công nghiệp, đô thị.

- Xây dựng cơ chế, chính sách nhằm tăng cường hợp tác công - tư (PPP); cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); tập trung phát triển khu vực kinh tế tư nhân, đặc biệt là doanh nghiệp quy mô lớn, sử dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường; thúc đẩy liên kết giữa các doanh nghiệp với các tổ chức tín dụng, hỗ trợ các nhà đầu tư nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn đầu tư.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, đổi mới, sáng tạo; nâng cao năng lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành của chính quyền các cấp và chất lượng của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tập trung đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính gắn với xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số; rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định kinh doanh nhằm tạo thuận lợi, giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp. Xây dựng, ban hành chính sách nhằm thu hút và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả các chương trình hợp tác, liên kết vùng, liên vùng; mở rộng hợp tác quốc tế và các tổ chức quốc tế tại Việt Nam, đồng thời tạo điều kiện để các doanh nghiệp trong tỉnh tiếp tục duy trì và thâm nhập các thị trường truyền thống, đồng thời, hướng tới những thị trường mới.

- Ban hành kịp thời, đồng bộ, thực hiện đồng bộ, hiệu quả các cơ chế, chính sách phát triển giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa, an sinh xã hội gắn với tiến bộ, công bằng xã hội, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Về thu hút đầu tư phát triển

Sử dụng nguồn vốn đầu tư công hiệu quả, đóng vai trò hỗ trợ, dẫn dắt để thu hút tối đa nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước; trong đó, ưu tiên nguồn vốn ngân sách địa phương và nguồn vốn trung ương hỗ trợ, vốn tín dụng ưu đãi để đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, triển khai các dự án kết cấu hạ tầng giao thông trọng tâm, trọng điểm có tính lan tỏa và kết nối, liên kết Vùng. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án; có chế tài xử lý các dự án chậm triển khai thực hiện.

Tăng cường huy động vốn đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP). Nghiên cứu xây dựng danh mục các công trình đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng theo hình thức PPP cho từng giai đoạn để thu hút nhà đầu tư, coi đây là giải pháp đột phá nhằm hoàn thiện cơ sở vật chất, hạ tầng đồng bộ, hiện đại phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Triển khai hiệu quả các chính sách khuyến khích, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh. Đổi mới, tăng cường công tác xúc tiến đầu tư. Thực hiện tốt Chương trình xúc tiến đầu tư hàng năm nhằm thu hút làn sóng đầu tư mới có chất lượng để phát triển mạnh các lĩnh vực: kinh tế biển, công nghiệp, dịch vụ, đô thị, chế biến nông sản mà tỉnh có lợi thế cạnh tranh.

Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về các dự án kêu gọi đầu tư; cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh; tạo lợi thế trong việc thu hút nguồn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Tập trung nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu kinh tế biển, khu, cụm công nghiệp, khu du lịch, các khu đô thị - công nghiệp... theo quy hoạch được duyệt. Chuẩn bị tốt nhất, tạo điều kiện thuận lợi nhất (địa điểm, phối hợp thực hiện công tác đền bù giải phóng mặt bằng, tái định cư, đào tạo nguồn nhân lực...) nhằm thu hút các nhà đầu tư phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh.

3. Phát triển nguồn nhân lực

- Phát triển thị trường lao động theo hướng chuyển dịch cơ cấu lao động của tỉnh; ưu tiên phát triển lao động trong các ngành kinh tế trọng điểm, trong các khu, cụm công nghiệp như: công nghiệp chế biến, chế tạo, chế biến nông sản, du lịch, thương mại, dịch vụ.

- Tăng cường cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng đào tạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đào tạo theo nhu cầu xã hội, thị trường lao động; tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp nhất là Trường Đại học Tiền Giang, Cao đẳng Tiền Giang, Cao đẳng Y tế Tiền Giang, 3 trường trung cấp ở 3 vùng trong tỉnh. Tăng cường mối liên kết giữa các viện, các trường đại học, các trung tâm đào tạo có uy tín. Tăng cường liên kết giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và đơn vị sử dụng lao động hoặc trung gian.

- Thực hiện đào tạo theo đơn đặt hàng, theo địa chỉ của doanh nghiệp và nhu cầu phát triển; đào tạo, đào tạo lại ngành, nghề phù hợp cho lực lượng lao động theo định hướng chuyển dịch cơ cấu lao động và nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực kinh tế. Tăng cường định hướng nghề nghiệp cho thanh niên ngay từ bậc học phổ thông; thực hiện phân luồng, tăng số học sinh sau trung học cơ sở, trung học phổ thông vào giáo dục nghề nghiệp; thực hiện đào tạo nghề, dạy văn hóa, hình thành năng lực nghề nghiệp cho người học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Tiếp tục thu hút đầu tư nâng cao chất lượng giáo dục, hoàn thiện mạng lưới trường lớp. Khuyến khích thành lập các cơ sở giáo dục ngoài công lập chất lượng cao. Đẩy nhanh xã hội hóa giáo dục nghề nghiệp; đa dạng hóa chủ thể tham gia đào tạo, kịp thời cụ thể hóa, triển khai thực hiện chính sách quy định trách nhiệm và khuyến khích doanh nghiệp đào tạo nghề cho người lao động; thường xuyên kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

- Nâng cao chất lượng chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng, kỷ luật hành chính, đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Thực hiện tốt công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh. Hỗ trợ đào tạo, nâng cao năng lực quản trị cho các doanh nhân, các chủ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu nguồn nhân lực, kết nối cung cầu lao động giữa doanh nghiệp và người lao động. Ban hành chính sách ưu đãi thu hút lao động chất lượng cao, có kỹ năng, tay nghề giỏi đến làm việc lâu dài trên địa bàn tỉnh.

4. Phát triển khoa học và công nghệ

- Đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trở thành nền tảng, động lực quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Cơ cấu lại các chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tỉnh theo hướng lấy doanh nghiệp làm trung tâm; nâng cao đóng góp của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vào tăng trưởng kinh tế thông qua hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh sản phẩm, hàng

hóa của tỉnh, hướng tới mục tiêu tham gia các chuỗi giá trị toàn cầu và chuyển lên các khâu tạo ra giá trị gia tăng cao hơn.

- Ưu tiên bố trí ngân sách cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ít nhất 2% tổng chi ngân sách nhà nước hàng năm.

5. Chuyển đổi số

- Tập trung phát triển hạ tầng số, nền tảng số thúc đẩy sự phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

- Ưu tiên cho phát triển các ứng dụng số hóa trong hoạt động của chính quyền để đẩy nhanh xây dựng Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số trên địa bàn tỉnh.

- Hình thành Trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hình thành cộng đồng doanh nghiệp số.

6. Bảo đảm an sinh xã hội

- Tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24 tháng 11 năm 2023, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới. Triển khai kịp thời các chính sách hỗ trợ giảm nghèo, trong đó ưu tiên hộ không có khả năng lao động, hộ cận nghèo có thành viên đang hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; khuyến khích hộ nghèo, hộ cận nghèo vươn lên thoát nghèo, hạn chế tình trạng tái nghèo và phát sinh nghèo mới do khó khăn đột xuất.

- Thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045, bảo đảm cho người dân có chỗ ở thích hợp, chất lượng và an toàn, có sự chia sẻ trách nhiệm giữa nhà nước, xã hội và người dân phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và thu nhập. Phát triển đa dạng các loại hình nhà ở và cơ chế, chính sách mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội, ký túc xá cho công nhân, người lao động, học sinh, sinh viên. Huy động doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia phát triển nhà ở xã hội.

- Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, quan tâm hơn nữa chăm lo đời sống vật chất, tinh thần người có công. Bảo đảm người có công và gia đình người có công phải có mức sống từ trung bình khá trở lên so với mức sống của cộng đồng dân cư nơi cư trú. Xây dựng và triển khai hệ thống dịch vụ xã

hội đa dạng, liên thông, liên tục, chuyên nghiệp, đáp ứng cơ bản nhu cầu và tăng khả năng tiếp cận cho các nhóm đối tượng.

7. Bảo vệ môi trường

- Tổ chức triển khai công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường đến từng tổ chức kinh tế, xã hội và công dân, nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của toàn xã hội. Nâng cao chất lượng hoạt động thẩm định đánh giá tác động môi trường cho các dự án đầu tư.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, bố trí đủ cán bộ có trình độ chuyên môn sâu để phát hiện và xử lý kịp thời các vấn đề môi trường.

- Xây dựng quy chế quản lý chất thải, ô nhiễm; tính đúng các chi phí về bảo vệ môi trường trong các dự án đầu tư mới theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường; nghiên cứu áp dụng các công nghệ xử lý chất thải theo tiêu chuẩn quốc tế; tổ chức tốt hoạt động quản lý môi trường trong các khu, cụm công nghiệp, làng nghề.

- Khai thác hợp lý và quản lý, sử dụng có hiệu quả tài nguyên đất, bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên nước, khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, bảo vệ và phát triển rừng.

- Phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị mới chú ý áp dụng các nguyên lý và kỹ thuật hiện đại nhằm hướng tới phát triển các đô thị sinh thái (tuần hoàn năng lượng, chất thải, bảo vệ duy trì cảnh quan môi trường tự nhiên, tiêu dùng năng lượng tiết kiệm và năng lượng tái tạo) hoặc chỉnh trang đô thị với quy mô lớn theo định hướng sinh thái hóa, bền vững hóa các hoạt động kinh tế - xã hội và môi trường trong các đô thị.

8. Bảo đảm nguồn lực tài chính

- Tiếp tục cơ cấu lại đầu tư, trọng tâm là đầu tư công, kiểm soát chặt chẽ hoạt động đầu tư công, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản; xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả kế hoạch đầu tư công trung hạn, hàng năm, bảo đảm phù hợp, thống nhất với kế hoạch tài chính 5 năm, dự toán ngân sách nhà nước hàng năm; tăng cường phân cấp quản lý đầu tư, tạo sự thông thoáng, nâng cao trách nhiệm và phát huy tính chủ động của các đơn vị trong quản lý đầu tư công.

- Điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo hướng giảm dần tỷ trọng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, tăng dần tỷ trọng vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước; ưu tiên hỗ trợ từ ngân sách tỉnh cho các dự án trọng điểm của các địa phương có tính chất lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Huy động, quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính đáp ứng yêu cầu và mục tiêu phát triển. Cơ cấu lại chi ngân sách, tăng tỷ trọng chi đầu tư, giảm tỷ trọng chi thường xuyên; đổi mới cơ chế phân bổ, giao dự toán chi ngân sách theo hướng khoán chi, đặt hàng, đấu thầu, giao nhiệm vụ cho cơ quan, đơn vị gắn với chất lượng sản phẩm, hiệu quả công việc; đẩy nhanh tiến độ tự chủ trong các đơn vị sự nghiệp công và tinh giản biên chế.

- Thực hiện hiệu quả các giải pháp tăng thu ngân sách, nuôi dưỡng, phát triển nguồn thu bền vững, giảm dần tỷ trọng thu từ sử dụng đất, tăng tỷ trọng thu từ sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu; khuyến khích mở rộng các loại hình dịch vụ tài chính (kiểm toán, bảo hiểm, cho thuê tài chính, tư vấn tài chính...) phục vụ nhu cầu của thị trường, nhằm tăng thu ngân sách bền vững. Kiểm soát chặt chẽ chi ngân sách nhà nước; sử dụng ngân sách tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định, bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, chăm lo an sinh xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Phát triển mạnh các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân là động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh, bền vững. Thực hiện đồng bộ các giải pháp tạo môi trường, điều kiện thuận lợi hỗ trợ đầu tư và sản xuất, kinh doanh của các thành phần kinh tế.

9. Bảo đảm quốc phòng, an ninh

- Tiếp tục giữ vững ổn định và phát huy vai trò hệ thống chính trị của địa phương; củng cố, kiện toàn bộ máy cũng như cơ chế hoạt động của cơ quan quân sự các cấp. Triển khai đồng bộ các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố, tăng cường thế trận khu vực phòng thủ; quản lý, sử dụng đất quốc phòng; quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự trên địa bàn tỉnh. Bố trí các công trình quốc phòng theo các hướng dẫn, quy định của Bộ Quốc phòng.

- Xây dựng lực lượng vũ trang chính quy, tinh nhuệ, vững mạnh, toàn diện, có sức mạnh tổng hợp và trình độ khả năng sẵn sàng chiến đấu cao, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống, không để phát sinh điểm nóng về an ninh trật tự; xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng lực lượng Công an nhân dân trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của lực lượng công an ở tất cả các cấp, trước mắt là tập trung xây dựng, quy hoạch trụ sở, nơi làm việc bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của lực lượng công an xã, phường, thị trấn và phù hợp với lộ trình sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 - 2030.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang trong quá trình thực hiện Kế hoạch này; trường hợp cần thiết, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang nghiên cứu, xây dựng hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp nhằm huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thực hiện Quy hoạch tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang

a) Chịu trách nhiệm về: (i) Tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu trong hồ sơ trình phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (ii) Nội dung tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của các bộ, cơ quan liên quan trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh; (iii) Tuyệt đối không hợp thức hóa các sai phạm trước đây liên quan đến các dự án trong danh mục các dự án quan trọng dự kiến đầu tư (nếu có).

b) Rà soát Kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2021 - 2025) của tỉnh Tiền Giang đã tổ chức lập, thẩm định theo quy định của pháp luật đất đai đảm bảo phù hợp với Quy hoạch tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1762/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023; tuân thủ chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 và điều chỉnh phân bổ một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 tại Quyết định số 227/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2024 để thực hiện công tác quản lý đất đai tại địa phương. Trường hợp trước năm 2030, tỉnh Tiền Giang sử dụng hết chỉ tiêu sử dụng đất cấp quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phân bổ thì phải báo cáo và chỉ được thực hiện khi được cấp có thẩm quyền theo quy định xem xét, chấp thuận.

c) Công bố, tuyên truyền, phổ biến thông tin về Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Tiền Giang tới các cơ quan, tổ chức liên quan, nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, tạo đồng thuận và điều kiện thuận lợi để triển khai các dự án phát triển đã được xác định trong Quy hoạch tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; quán triệt và giao nhiệm vụ Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Tiền Giang tới từng sở, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã để triển khai thực hiện.

d) Nghiên cứu, xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, quy hoạch, kế hoạch, đề án, chương trình để triển khai thực hiện các nhiệm vụ đã được xác định trong Quy hoạch và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Tiền Giang.

đ) Báo cáo đánh giá thực hiện Quy hoạch tỉnh định kỳ theo tiêu chí đánh giá quy định tại Điều 7 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ; báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại khoản 3 Điều 49 Luật Quy hoạch.

e) Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Phụ lục

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN DỰ KIẾN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ VÀ PHÂN KỲ THỰC HIỆN TRONG QUY HOẠCH TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 77/QĐ-TTg ngày 12 tháng 01 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Các chương trình, dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Địa điểm	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn		Ghi chú
				2024 - 2025	2026 - 2030	Vốn ngân sách nhà nước	Vốn ngoài ngân sách nhà nước	
I	**CÔNG NGHIỆP**							
1	Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp	Huyện Gò Công Đông	Tỉnh Tiền Giang phối hợp các bộ, ngành	x	x		x	
2	Các cụm công nghiệp Thạnh Hòa, Mỹ Phước 1, Mỹ Phước 2, Mỹ Phước 3							
2.1	- Cụm công nghiệp Thạnh Hòa	Huyện Tân Phước	Tỉnh Tiền Giang		x		x	
2.2	- Cụm công nghiệp Mỹ Phước 1	Huyện Tân Phước	Tỉnh Tiền Giang	x	x		x	
2.3	- Cụm công nghiệp Mỹ Phước 2	Huyện Tân Phước	Tỉnh Tiền Giang	x	x		x	
2.4	- Cụm công nghiệp Mỹ Phước 3	Huyện Tân Phước	Tỉnh Tiền Giang	x	x		x	
3	Các cụm công nghiệp Đồng Sơn, Long Bình, Vĩnh Hựu, Mỹ Lợi, Phú Thạnh, Phú Tân							
3.1	- Cụm công nghiệp Đồng Sơn	Huyện Gò Công Tây	Tỉnh Tiền Giang		x		x	
3.2	- Cụm công nghiệp Long Bình	Huyện Gò Công Tây	Tỉnh Tiền Giang	x	x		x	
3.3	- Cụm công nghiệp Vĩnh Hựu	Huyện Gò Công Tây	Tỉnh Tiền Giang		x		x	
3.4	- Cụm công nghiệp Mỹ Lợi	Thành phố Gò Công	Tỉnh Tiền Giang		x		x	

STT	Các chương trình, dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Địa điểm	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn		Ghi chú
				2024 - 2025	2026 - 2030	Vốn ngân sách nhà nước	Vốn ngoài ngân sách nhà nước	
3.5	- Cụm công nghiệp Phú Thạnh	Huyện Tân Phú Đông	Tỉnh Tiền Giang		x		x	
3.6	- Cụm công nghiệp Phú Tân	Huyện Tân Phú Đông	Tỉnh Tiền Giang		x		x	
4	Tổ hợp Nhà máy kết cấu thép	Huyện Gò Công Đông	Tỉnh Tiền Giang	x	x		x	
5	Các nhà máy chế biến nông sản	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	x	x		x	
6	Đầu tư phát triển công nghiệp chế biến trái cây, lương thực, thủy sản	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	x	x		x	
7	Nâng cấp cơ sở hạ tầng cho các khu, cụm công nghiệp trong quy hoạch	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	x	x		x	
8	Khu công nghiệp Bình Đông	Thành phố Gò Công	Tỉnh Tiền Giang phối hợp các bộ, ngành	x	x		x	
9	Khu công nghiệp Tân Phước 1	Huyện Tân Phước	Tỉnh Tiền Giang phối hợp các bộ, ngành	x	x		x	
10	Khu công nghiệp Tân Phước 2	Huyện Tân Phước	Tỉnh Tiền Giang phối hợp các bộ, ngành		x		x	
11	Vùng công nghiệp tập trung: Long Giang, Tân Hương - chế biến, chế tạo, cảng cạn	Huyện Tân Phước; huyện Châu Thành	Tỉnh Tiền Giang	x	x		x	
12	Vùng trung tâm công nghiệp xanh, chuỗi sản phẩm: Tân Phước	Huyện Tân Phước	Tỉnh Tiền Giang	x	x		x	
13	Vùng chế biến công nghệ cao, dược phẩm (huyện Gò Công Đông)	Huyện Gò Công Đông	Tỉnh Tiền Giang	x	x		x	

STT	Các chương trình, dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Địa điểm	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn		Ghi chú
				2024 - 2025	2026 - 2030	Vốn ngân sách nhà nước	Vốn ngoài ngân sách nhà nước	
14	Vùng logistics hàng hải, dịch vụ dầu khí, cảng năng lượng: Soài Rạp, sông Tra	Huyện Gò Công Đông; huyện Gò Công Tây	Tỉnh Tiền Giang	x	x		x	
15	Tổ hợp các nhà máy hóa chất	Huyện Tân Phước	Tỉnh Tiền Giang	x	x		x	
16	Các dự án sản xuất công nghiệp chế biến							
	- Các dự án sản xuất công nghiệp chế biến nông sản và dịch vụ phục vụ chế biến nông sản	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	x	x		x	
II	**NÔNG NGHIỆP**							
1	Các dự án tại khu dịch vụ hậu cần nghề cá	Huyện Gò Công Đông	Tỉnh Tiền Giang	x	x		x	
2	Khu chăn nuôi và các dịch vụ hậu cần chăn nuôi	Huyện Tân Phước	Tỉnh Tiền Giang	x	x		x	
3	Các dự án nuôi trồng thủy sản tại xã Phú Tân	Huyện Tân Phú Đông	Tỉnh Tiền Giang	x	x		x	
4	Các dự án đầu tư ứng dụng công nghệ cao	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	x	x	x	x	
III	**THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ - DU LỊCH**							
1	Trung tâm thương mại dịch vụ tỉnh Tiền Giang (thuộc Quảng trường Trung tâm tỉnh Tiền Giang);	Thành phố Mỹ Tho	Tỉnh Tiền Giang	x			x	

STT	Các chương trình, dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Địa điểm	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn		Ghi chú
				2024 - 2025	2026 - 2030	Vốn ngân sách nhà nước	Vốn ngoài ngân sách nhà nước	
	các dự án Thương mại, dịch vụ tại số 27, 19A, 17 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 4; số 04 Lê Lợi, phường 1; phường 6 - thành phố Mỹ Tho							
2	Khu Thương mại phức hợp và Dịch vụ y tế Tiền Giang	Thành phố Mỹ Tho	Tỉnh Tiền Giang	x	x		x	
3	Khu dịch vụ hỗn hợp sông Tiền	Thành phố Mỹ Tho	Tỉnh Tiền Giang	x			x	
4	Trung tâm Thương mại dịch vụ kinh doanh nông sản	Huyện Cái Bè	Tỉnh Tiền Giang	x	x		x	
5	Xây dựng, nâng cấp, chỉnh trang các chợ đầu mối, trung tâm thương mại và các công trình thương mại cấp thiết khác trên địa bàn tỉnh	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	x	x	x	x	
6	Phát triển du lịch đô thị tại thành phố Mỹ Tho, Gò Công, thị trấn Cái Bè, thị trấn Vàm Láng, đô thị Tân Điền, thị trấn Tân Hòa, thị trấn Chợ Gạo	Tỉnh Tiền Giang						
6.1	- Phát triển du lịch đô thị tại thành phố Mỹ Tho: Xây dựng các tuyến phố đi bộ; các khu chợ đêm; phát triển tuyến du lịch sông Bảo Định; tổ chức lễ hội du lịch Mỹ Tho Đại Phố…)	Thành phố Mỹ Tho	Tỉnh Tiền Giang	x	x		x	

STT	Các chương trình, dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Địa điểm	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn		Ghi chú
				2024 - 2025	2026 - 2030	Vốn ngân sách nhà nước	Vốn ngoài ngân sách nhà nước	
6.2	- Phát triển du lịch tại đô thị Tân Điền (Quy hoạch không gian du lịch biển và các khu vực phát triển du lịch nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, thể thao biển…; xây dựng cảng du thuyền…)	Huyện Gò Công Đông	Tỉnh Tiền Giang	x	x		x	
6.3	- Phát triển du lịch tại thị trấn Cái Bè (Xây dựng các tuyến phố đi bộ, các khu dịch vụ ven sông, cảng du thuyền; tổ chức Lễ hội làng cổ Đông Hòa Hiệp và sự kiện trải nghiệm Chợ nổi Cái Bè về đêm; …)	Huyện Cái Bè	Tỉnh Tiền Giang	x	x		x	
6.4	- Phát triển du lịch tại thành phố Gò Công (Tổ chức khu phố cổ phục vụ tham quan du lịch; các tuyến phố đi bộ, chợ đêm; trục dịch vụ hai bên sông Gò Công; tổ chức lễ hội du lịch Làng Thành phố Gò Công…)	Thành phố Gò Công	Tỉnh Tiền Giang	x	x		x	
6.5	- Phát triển du lịch tại thị trấn Chợ Gạo: Xây dựng các tuyến phố đi bộ, chợ đêm, bến thuyền du lịch, không gian tổ chức sự kiện…; tổ chức các sự kiện văn hóa du lịch…)	Huyện Chợ Gạo	Tỉnh Tiền Giang	x	x		x	

STT	Các chương trình, dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Địa điểm	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn		Ghi chú
				2024 - 2025	2026 - 2030	Vốn ngân sách nhà nước	Vốn ngoài ngân sách nhà nước	
6.6	- Phát triển du lịch tại đô thị Tân Hòa (Quy hoạch không gian du lịch dịch vụ và trục du lịch dịch vụ hai bên sông Long Uông… phát triển các sản phẩm du lịch đô thị - dịch vụ vui chơi giải trí đêm…)	Huyện Gò Công Đông	Tỉnh Tiền Giang	x	x		x	
6.7	- Phát triển du lịch tại đô thị Vàm Láng (Quy hoạch không gian du lịch biển)	Huyện Gò Công Đông	Tỉnh Tiền Giang		x		x	
7	Khu du lịch sinh thái - tâm linh (Chùa Liên Hoa) và các dự án du lịch sinh thái trên địa bàn huyện Chợ Gạo	Huyện Chợ Gạo	Tỉnh Tiền Giang	x	x		x	
8	Các khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng cao cấp Cồn Ngang (Tân Phú Đông), khu du lịch biển Tân Thành - Hàng Dương, khu du lịch sinh thái cù lao Thới Sơn, khu Vui chơi giải trí cao cấp cồn Tân Long (thành phố Mỹ Tho), khu du lịch sinh thái Hòa Hưng (Cồn Cổ Lịch), khu du lịch Long Bình, khu du lịch sinh thái - nghỉ dưỡng Cồn Quy (huyện Cái Bè)…	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	x	x		x	

STT	Các chương trình, dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Địa điểm	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn		Ghi chú
				2024 - 2025	2026 - 2030	Vốn ngân sách nhà nước	Vốn ngoài ngân sách nhà nước	
9	Khu du lịch sinh thái - tâm linh (Thiền viện Trúc Lâm Chánh Giác và Khu Bảo tồn thiên nhiên Đồng Tháp Mười) và các dự án du lịch sinh thái trên địa bàn huyện Tân Phước	Huyện Tân Phước	Tỉnh Tiền Giang	x	x		x	
10	Khu du lịch dịch vụ gắn với trục dịch vụ du lịch sông nước: sông Long Uông (huyện Gò Công Đông) và sông Gò Công (thành phố Gò Công)	Huyện Gò Công Đông, thành phố Gò Công	Tỉnh Tiền Giang	x	x		x	
11	Khu du lịch Làng cổ và Lễ hội Văn hóa - Du lịch Làng cổ Đông Hòa Hiệp	Huyện Cái Bè	Tỉnh Tiền Giang	x	x		x	
12	Các hạng mục du lịch cần đầu tư tại khu Tây Tân Phong, khu đất Huyện ủy	Huyện Cai Lậy	Tỉnh Tiền Giang	x	x		x	
13	Cải tạo, tu bổ các dự án - Di tích lịch sử quốc gia; Di tích Quốc gia đặc biệt; hệ thống di tích lịch sử gắn với tín ngưỡng thờ cúng	Tỉnh Tiền Giang		x	x	x	x	
14	Mở rộng Khu bảo tồn và du lịch sinh thái Đồng Tháp Mười	Huyện Tân Phước	Tỉnh Tiền Giang	x	x	x	x	
15	Sân gôn	Huyện Tân Phước	Tỉnh Tiền Giang	x	x		x	

STT	Các chương trình, dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Địa điểm	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn		Ghi chú
				2024 - 2025	2026 - 2030	Vốn ngân sách nhà nước	Vốn ngoài ngân sách nhà nước	
IV	**PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ**							
1	Xây dựng các đô thị, khu dân cư trên địa bàn thành phố Mỹ Tho, thị xã Cai Lậy, thành phố Gò Công và các huyện theo quy hoạch xây dựng được duyệt	Tỉnh Tiền Giang						
1.1	- Thị xã Cai Lậy	Thị xã Cai Lậy	Tỉnh Tiền Giang	x	x	x	x	Mở rộng không gian đô thị, định hướng thành lập thành phố Cai Lậy giai đoạn 2026 - 2030
1.2	- Thị trấn Mỹ Phước	Huyện Tân Phước	Tỉnh Tiền Giang	x	x	x	x	
1.3	- Đô thị Phú Mỹ	Huyện Tân Phước	Tỉnh Tiền Giang	x	x	x	x	
1.4	- Đô thị Tân Lập 1	Huyện Tân Phước	Tỉnh Tiền Giang	x	x	x	x	
1.5	- Khu đô thị mới Thị trấn Vĩnh Bình	Huyện Gò Công Tây	Tỉnh Tiền Giang		x		x	
1.6	- Khu dân cư Trung An	Thành phố Mỹ Tho	Tỉnh Tiền Giang	x	x		x	

STT	Các chương trình, dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Địa điểm	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn		Ghi chú
				2024 - 2025	2026 - 2030	Vốn ngân sách nhà nước	Vốn ngoài ngân sách nhà nước	
2	Khu đô thị thông minh Tân Điền	Huyện Gò Công Đông	Tỉnh Tiền Giang	x	x		x	
3	Khu đô thị biển Gò Công Đông	Huyện Gò Công Đông	Tỉnh Tiền Giang	x	x		x	
4	Xây dựng các khu tái định cư	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	x	x	x	x	
5	Phát triển các khu dân cư, thương mại, dịch vụ hai bên tuyến đường bộ ven biển	Huyện Gò Công Đông	Tỉnh Tiền Giang	x	x		x	
V	**KẾT CẤU HẠ TẦNG**							
V.1	**Kết cấu hạ tầng giao thông**							
1	Nâng cấp, đầu tư mới các tuyến quốc lộ qua địa bàn tỉnh (xây dựng mới QL.50B (Trục động lực Thành phố Hồ Chí Minh - Long An - Tiền Giang); nâng cấp quốc lộ 62 và xây dựng mới cầu Đồng Sơn; nâng cấp quốc lộ 30B; quốc lộ 30C…)							
1.1	- Trục động lực Thành phố Hồ Chí Minh - Long An - Tiền Giang (QL.50B); đoạn qua địa bàn tỉnh dài 15km; Bm = 40m	Tỉnh Tiền Giang	Bộ Giao thông vận tải phối hợp tỉnh Tiền Giang		x	x	x	
1.2	- Xây dựng cầu Đồng Sơn trên Đường huyện 18 (QL.62 quy hoạch) kết nối tỉnh Long An	Huyện Gò Công Tây	Tỉnh Tiền Giang		x	x		

STT	Các chương trình, dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Địa điểm	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn		Ghi chú
				2024 - 2025	2026 - 2030	Vốn ngân sách nhà nước	Vốn ngoài ngân sách nhà nước	
1.3	- Đường Hùng Vương nối dài; chiều dài 4,71km + 03 cầu (tính cho chiều rộng đất giao thông là 60m)	Thành phố Mỹ Tho	Tỉnh Tiền Giang		x	x	x	
1.4	- Đường tỉnh 865 (quy hoạch quốc lộ 30B)	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang		x	x		
1.5	- Đường tỉnh 868 (quy hoạch quốc lộ 30C)	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang		x	x		
2	Tuyến đường bộ ven biển đoạn qua tỉnh Tiền Giang kết nối tỉnh Long An và tỉnh Bến Tre (giai đoạn 1); đoạn qua địa bàn tỉnh dài 26,62km	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang phối hợp các bộ, ngành		x	x		
3	Xây dựng mới các tuyến, đoạn tuyến nối dài đường tỉnh gồm các trục ngang, trục dọc trên địa bàn tỉnh như: ĐT.864 nối dài; ĐT.877C; ĐT.862B (trục đô thị biển); ĐT.868B; ĐT.866C; ĐT.873C; đường vành đai phía Tây Nam thị xã Gò Công; đường kết nối 02 đô thị Vĩnh Bình và Long Bình huyện Gò Công Tây; đường vành đai Đông Bắc thành phố Mỹ Tho; đường kết nối từ ĐT.870 đến quốc lộ 60 (Nguyễn Thị Thập);							

STT	Các chương trình, dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Địa điểm	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn		Ghi chú
				2024 - 2025	2026 - 2030	Vốn ngân sách nhà nước	Vốn ngoài ngân sách nhà nước	
	ĐT.877B (đoạn ngã ba Cây Dông đến đầu Cồn Ngang); ĐT.871C (đoạn cuối tuyến theo hướng mới); ĐT.879D nối dài đến Rạch Tràm (giáp tỉnh Long An); ĐT.870B nối dài đến nút giao vòng xoay Chùa Phước Lâm (cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương); ĐT.866B nối dài đến Quốc lộ 1 (ngã ba Hòa Tịnh); ĐT.878 nối dài đến ĐH.40 (ĐT.865B quy hoạch) và đầu tư hoàn thành toàn tuyến theo quy hoạch; tuyến tránh ĐT.868 qua thị xã Cai Lậy (phía Nam quốc lộ 1); ĐT.872B nối dài đến Bình Xuân; ĐT.874 nối dài đến ĐT.864; ĐT.874B nối dài đến ĐT.864; đường và cầu kết nối ĐT.863 - ĐT.861; …							
3.1	- Tuyến đường tỉnh 877C, chiều dài khoảng 45,5km; trong đó, đoạn qua thành phố Gò Công chiều dài 4,5km (đường đô thị) 04 làn xe	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang		x	x		

STT	Các chương trình, dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Địa điểm	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn		Ghi chú
				2024 - 2025	2026 - 2030	Vốn ngân sách nhà nước	Vốn ngoài ngân sách nhà nước	
3.2	- Đường tỉnh 879D nối dài đến Rạch Tràm (giáp ranh tỉnh Long An); chiều dài khoảng 1,4km	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang		x	x		
3.3	- Đường tỉnh 864 (đoạn từ cầu Mỹ Thuận đến QL.30); chiều dài 10,2 km (cấp III ĐB)	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang		x		x	
3.4	- Đường tỉnh 862B (trục đô thị biển); chiều dài khoảng 10,1km	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang		x	x		
3.5	- Đường Vành đai thành phố Mỹ Tho kết nối đến Vòng xoay nhánh rẽ cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương; chiều dài đoạn qua thành phố Mỹ Tho 7,02km (nền đường rộng 40m)	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang		x	x		
3.6	- Đường Vành đai phía Tây Nam thành phố Gò Công (đường đô thị); chiều dài 5,5km	Thành phố Gò Công	Tỉnh Tiền Giang	x	x	x		
3.7	- Đường và cầu qua kênh 28 kết nối đường tỉnh 863 và đường tỉnh 861	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang		x	x		
3.8	- Đường kết nối đô thị Vĩnh Bình và Long Bình của huyện Gò Công Tây; chiều dài 8,1km và 03 cầu	Huyện Gò Công Tây	Tỉnh Tiền Giang		x	x		

STT	Các chương trình, dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Địa điểm	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn		Ghi chú
				2024 - 2025	2026 - 2030	Vốn ngân sách nhà nước	Vốn ngoài ngân sách nhà nước	
3.9	- Đường tỉnh 877B đoạn mở mới chỉnh tuyến đi thẳng từ ngã ba Cây Dông đến đầu cồn Ngang; chiều dài 4,49km và 07 cầu	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang		x	x		
3.10	- Đường tỉnh 870B (từ vòng xoay Chùa Phước Lâm đến quốc lộ 1)	Thành phố Mỹ Tho, huyện Tân Phước	Tỉnh Tiền Giang		x	x		
3.11	- Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh 871C (từ ranh thành phố Gò Công đến Đê biển); chiều dài 7,4km (gồm 02 đoạn), 04 làn xe	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang		x	x		
3.12	- Đường Vành đai trong thị xã Cai Lậy; chiều dài 9,45km (Bnền = 22m)	Thị xã Cai Lậy	Tỉnh Tiền Giang		x	x		
3.13	- Xây dựng mới đường tỉnh 878 (đoạn từ cầu Nguyễn Văn Tiếp đến đường huyện 40 (giai đoạn 1); chiều dài 7,5km, cấp III ĐB (Bm= 11m, Bn = 12m); tải trọng trục xe 12 tấn	Huyện Tân Phước	Tỉnh Tiền Giang		x	x		
3.14	- Đường tỉnh 874B (nối dài), xã Mỹ Long - xã Tam Bình, huyện Cai Lậy; chiều dài 4,24km (cấp IV ĐB) và 03 cầu HL93	Huyện Cai Lậy	Tỉnh Tiền Giang		x	x		
3.15	- Đoạn đường từ đường tỉnh 870B đến quốc lộ 60 (nút giao ngã ba	Thành phố Mỹ Tho	Tỉnh Tiền Giang		x	x		

STT	Các chương trình, dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Địa điểm	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn		Ghi chú
				2024 - 2025	2026 - 2030	Vốn ngân sách nhà nước	Vốn ngoài ngân sách nhà nước	
	với đường Hồ Văn Nhánh), chiều dài 1,7km; quy mô đường đô thị (Bm = 12m, Bn = 22m), thuộc dự án Tuyến đường kết nối với đường huyện 35 (từ nút giao ngã ba với đường tỉnh 870 đến ngã ba quốc lộ 60 - Hồ Văn Nhánh). Đối với đoạn còn lại từ đường tỉnh 870B đến đường tỉnh 870 sẽ kêu gọi đầu tư							
3.16	- Đường tỉnh 873C	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang		x	x		
3.17	- Đường tỉnh 866C	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang		x	x		
3.18	- Đường tỉnh 872B	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang		x	x		
3.19	- Đường tỉnh 868B	Huyện Cai Lậy	Tỉnh Tiền Giang		x	x		Bổ sung
3.20	- Đường tỉnh 866B	Huyện Châu Thành, huyện Tân Phước	Tỉnh Tiền Giang		x	x		Đầu tư kéo dài tuyến đường, đoạn từ Kênh Năng đến ĐT.867B
4	Xây dựng các cầu tăng cường kết nối (Cầu Vàm Cái Thia trên ĐT.864, Cái Bè; Cầu qua sông Mỹ							

STT	Các chương trình, dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Địa điểm	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn		Ghi chú
				2024 - 2025	2026 - 2030	Vốn ngân sách nhà nước	Vốn ngoài ngân sách nhà nước	
	Đức Tây, Cái Bè; cầu Tân Phong, huyện Cai Lậy; cầu Tân Thạnh, huyện Tân Phú Đông; cầu Vàm Bà Thửa, thị xã Cai Lậy; cầu Trần Hưng Đạo (qua sông Bảo Định), thành phố Mỹ Tho; cầu qua kênh Tháp Mười số 2 (kênh Nguyễn Văn Tiếp) trên ĐT.868B; cầu Cống Đập Gò Công trên ĐT.873B; các cầu thép, BTCT xuống cấp, khổ cầu và tải trọng hạn chế không đồng bộ trên hệ thống đường tỉnh;…							
4.1	- Cầu qua kênh Nguyễn Văn Tiếp (xã Phú Cường, huyện Cai Lậy); chiều dài 181,87m, khổ cầu 10m, tải trọng HL93	Huyện Cai Lậy	Tỉnh Tiền Giang	x	x	x		
4.2	- Đường kết nối đường tỉnh 873B với đường tỉnh 873; chiều dài 1,4km (cấp IV ĐB) và 01 cầu	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	x	x	x		
4.3	- Xây dựng mới các cầu yếu, cầu hẹp trên các tuyến đường tỉnh (35 cầu, dài khoảng 1.200m)	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang		x	x		
4.4	- Cầu Tân Phong, huyện Cai Lậy	Huyện Cai Lậy, huyện Cái Bè	Tỉnh Tiền Giang	x	x	x		

STT	Các chương trình, dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Địa điểm	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn		Ghi chú
				2024 - 2025	2026 - 2030	Vốn ngân sách nhà nước	Vốn ngoài ngân sách nhà nước	
5	Đầu tư nâng cấp mở rộng các tuyến đường tỉnh được quy hoạch từ các đường huyện như: ĐH.861B (ĐH.81, ĐH.82); ĐT.865B (ĐH.40, ĐH.45B); ĐT.875C (ĐH.71, ĐH.71B); ĐT.877D (ĐH.89, ĐH.26B); ĐT.880 (ĐH.35, ĐH.62, ĐH.67); ĐT.880B (ĐH.52, Đường lộ Dây Thép)							
5.1	- Nâng cấp đường huyện 35 (đoạn từ đường tỉnh 876 đến đường tỉnh 874B); chiều dài 6,8km (cấp IV ĐB)	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang		x	x		
5.2	- Nâng cấp đường huyện 52 (Đoạn từ đường tỉnh 874B đến đường tỉnh 868)	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang		x	x		
5.3	- Đường tỉnh 880 (đường huyện 35, đường huyện 62, đường huyện 67)	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang		x	x		
5.4	- Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường tỉnh (B mặt = 7,0m, dài khoảng 60km)	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang		x	x		
5.5	- Đường tỉnh 865B	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang		x	x		
6	Đầu tư, nâng cấp, cải tạo các bến, bãi xe khách, hàng hóa,…; các cơ							

STT	Các chương trình, dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Địa điểm	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn		Ghi chú
				2024 - 2025	2026 - 2030	Vốn ngân sách nhà nước	Vốn ngoài ngân sách nhà nước	
	sở đào tạo và sát hạch lái xe; các trung tâm đăng kiểm xe cơ giới;…							
7	Nạo vét luồng hàng hải sông Soài Rạp cho tàu đến 70.000 tấn	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang		x	x	x	
8	Nạo vét luồng hàng hải sông Tiền cho tàu 5.000 tấn	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang		x	x	x	
9	Xây dựng các khu cảng, bến hành khách trên sông Tiền, sông Soài Rạp,...	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	x	x	x	x	
10	Xây dựng các khu cảng, bến hàng hóa trên trên sông Tiền, sông Soài Rạp, sông Vàm Cỏ, kênh Tháp Mười số 2 (kênh Nguyễn Văn Tiếp), kênh Xáng Long Định (kênh Nguyễn Tấn Thành),… các bến phao; khu neo đậu chuyển tải, tránh trú bão;…							
10.1	- Cảng tổng hợp Gò Công	Huyện Gò Công Đông	Tỉnh Tiền Giang phối hợp các bộ, ngành		x		x	
10.2	- Xây dựng các bến cảng thuộc khu bến Gò Công trên sông Soài Rạp	Huyện Gò Công Đông	Tỉnh Tiền Giang	x	x		x	
10.3	- Xây dựng các bến cảng thuộc khu bến Mỹ Tho trên sông Tiền	Thành phố Mỹ Tho	Tỉnh Tiền Giang	x	x		x	

STT	Các chương trình, dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Địa điểm	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn		Ghi chú
				2024 - 2025	2026 - 2030	Vốn ngân sách nhà nước	Vốn ngoài ngân sách nhà nước	
10.4	- Xây dựng ponton Bến phà Tân Thới - Bình Ninh	Huyện Chợ Gạo, huyện Tân Phú Đông	Tỉnh Tiền Giang		x	x		
11	Nâng cấp, mở rộng các cảng hàng hóa hiện hữu như: Cảng cá Tiền Giang, cảng cá Vàm Láng, cảng kho xăng dầu Quang Trung, cảng kho xăng dầu Bình Đức, cảng nông sản Việt Nguyên, cảng Khu công nghiệp dịch vụ dầu khí Soài Rạp, cảng ngoại quan và thương mại dầu khí Nam Sông Hậu, cảng nông sản lương thực Tiền Giang, cảng Lê Thạch,… Các cảng hành khách hiện hữu như: Cảng du thuyền Mỹ Tho, cảng khách Cái Bè, cảng khách Soài Rạp,…							
11.1	- Cảng nông sản thực phẩm Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	x	x	x	x	
11.2	- Cảng khách Cái Bè	Huyện Cái Bè	Tỉnh Tiền Giang	x	x	x	x	
11.3	- Cảng cá Tiền Giang	Huyện Chợ Gạo	Tỉnh Tiền Giang	x	x	x		
12	Trung tâm Logistic huyện Gò Công Đông, huyện Tân Phước, huyện Cái Bè, thành phố Mỹ Tho	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	x	x		x	
12.1	- Dự án Logistics Tân Phước	Huyện Tân Phước	Tỉnh Tiền Giang	x	x		x	

STT	Các chương trình, dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Địa điểm	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn		Ghi chú
				2024 - 2025	2026 - 2030	Vốn ngân sách nhà nước	Vốn ngoài ngân sách nhà nước	
V.2	**Kết cấu hạ tầng thủy lợi**							
1	Cống âu Nguyễn Tấn Thành thuộc Dự án Công trình kiểm soát nguồn nước kênh Xáng Long Định (kênh Nguyễn Tấn Thành) và bờ hữu sông Vàm Cỏ Tây	Huyện Châu Thành	Tỉnh Tiền Giang	x		x		
2	Đầu tư xây dựng hệ thống cống ngăn mặn tại đầu các kênh rạch ra sông Tiền trên Đường tỉnh 864 (giai đoạn 1)	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	x	x	x		
3	Đầu tư xây dựng hệ thống cống ngăn mặn tại đầu các kênh rạch ra sông Tiền trên Đường tỉnh 864 (giai đoạn 2)	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang		x	x		
4	Hoàn thiện hệ thống thủy lợi Gò Công	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang		x	x		
5	Hoàn thiện hệ thống thủy lợi Bảo Định (thuộc 02 tỉnh: Long An và Tiền Giang)	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang		x	x		
6	Hoàn thiện ô bao Nam kênh Nguyễn Văn Tiếp B - Kênh 5, huyện Cái Bè	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang		x	x		

STT	Các chương trình, dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Địa điểm	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn		Ghi chú
				2024 - 2025	2026 - 2030	Vốn ngân sách nhà nước	Vốn ngoài ngân sách nhà nước	
7	Hoàn thiện ô bao Tây, Đông kênh Mỹ Long - Bà Kỳ	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang		x	x		
8	Hoàn thiện ô bao Tây sông Phú An huyện Cai Lậy và khu 3, thị trấn Cái Bè, huyện Cái Bè	Huyện Cai Lậy, huyện Cái Bè	Tỉnh Tiền Giang		x	x		
9	Nâng cấp hoàn thiện hệ thống đê và trạm bơm vùng chuyên canh khóm huyện Tân Phước	Huyện Tân Phước	Tỉnh Tiền Giang		x	x		
10	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ nuôi trồng thủy sản ấp Cồn Cống, xã Phú Tân, huyện Tân Phú Đông	Huyện Tân Phú Đông	Tỉnh Tiền Giang	x	x	x	x	
11	Xây dựng đê và các cống ngăn mặn Cù lao Ngũ Hiệp	Huyện Cai Lậy	Tỉnh Tiền Giang	x	x	x		
12	Đầu tư xây dựng đê và các cống ngăn mặn cù lao Tân Phong	Huyện Cai Lậy	Tỉnh Tiền Giang	x	x	x		
13	Đầu tư xây dựng đê và các cống ngăn mặn cù lao Thới Sơn	Thành phố Mỹ Tho	Tỉnh Tiền Giang		x	x		
14	Dự án chống ngập thành phố Mỹ Tho	Thành phố Mỹ Tho	Tỉnh Tiền Giang		x	x		
15	Dự án Hệ thống thủy lợi Cả Nai - Cây Còng và Cầu Gió - Cả Nai	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang		x	x		

STT	Các chương trình, dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Địa điểm	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn		Ghi chú
				2024 - 2025	2026 - 2030	Vốn ngân sách nhà nước	Vốn ngoài ngân sách nhà nước	
16	Hoàn thiện hệ thống thủy lợi bảo vệ vườn chuyên canh cây ăn trái	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang		x	x		
17	Xây dựng hệ thống quan trắc và dự báo xâm nhập mặn phục vụ quản lý hệ thống thủy lợi tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang phối hợp các bộ, ngành		x	x		
18	Đầu tư 2 cống trên hai đầu sông Cửa Trung để tạo thành hồ chứa nước ngọt phục vụ sản xuất và sinh hoạt cho toàn huyện Tân Phú Đông	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang phối hợp các bộ, ngành		x	x	x	
19	Điều tra đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước quan trọng tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang		x	x		
20	Lập danh mục hành lang bảo vệ nguồn nước chính quan trọng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang		x	x		
21	Nâng cấp hoàn thiện hệ thống giám sát chất lượng nước mặt, giám sát xả thải trên địa bàn tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang phối hợp các bộ, ngành		x	x		
22	Xây dựng vận hành, tích hợp hệ thống thông tin dữ liệu tài nguyên nước của địa phương với trung ương, nâng cao chất lượng công tác dự báo, cảnh báo tài nguyên	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang phối hợp các bộ, ngành		x	x		

STT	Các chương trình, dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Địa điểm	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn		Ghi chú
				2024 - 2025	2026 - 2030	Vốn ngân sách nhà nước	Vốn ngoài ngân sách nhà nước	
	nước và kiểm soát các hoạt động khai thác, sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước							
23	Nghiên cứu, đánh giá hiệu quả đầu tư Dự án chuyển nước ngọt qua kênh Chợ Gạo cấp nước cho vùng ngọt hóa Gò Công	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang		x	x		
24	Nghiên cứu và đầu tư dự án xây dựng cống Hàm Luông kiểm soát xâm nhập mặn cho Bến Tre, Tiền Giang, Vĩnh Long	Tỉnh Tiền Giang	Bến Tre, Tiền Giang, Vĩnh Long phối hợp các bộ, ngành		x	x		
25	Nghiên cứu và đầu tư dự án xây dựng cống trên sông Vàm Cỏ kiểm soát xâm nhập mặn cho Tiền Giang, Long An	Tỉnh Long An	Tiền Giang, Long An phối hợp các bộ, ngành		x	x		
V.3	**Kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai**							
1	Dự án Bờ kè sông Ba Rài	Thị xã Cai Lậy	Tỉnh Tiền Giang	x	x	x		Quyết định số 3870/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 về việc phê duyệt dự án

STT	Các chương trình, dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Địa điểm	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn		Ghi chú
				2024 - 2025	2026 - 2030	Vốn ngân sách nhà nước	Vốn ngoài ngân sách nhà nước	
2	Dự án Nâng cấp đê biển Gò Công (giai đoạn 2)	Huyện Gò Công Đông	Tỉnh Tiền Giang phối hợp các bộ, ngành	x		x		Quyết định số 3869/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 về việc phê duyệt dự án
3	Dự án Xử lý sạt lở Khu vực Cồn Ngang, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang	Huyện Tân Phú Đông	Tỉnh Tiền Giang phối hợp các bộ, ngành	x		x		Quyết định số 2291/QĐ-UBND ngày 27/8/2021 về việc phê duyệt dự án
4	Xử lý sạt lở bờ sông khu vực đầu mõm xã Tân Thới							
	Xử lý sạt lở bờ sông Tiền khu vực cù lao Tân Phú Đông, xã Tân Thới, huyện Tân Phú Đông	Huyện Tân Phú Đông	Tỉnh Tiền Giang	x	x	x		

STT	Các chương trình, dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Địa điểm	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn		Ghi chú
				2024 - 2025	2026 - 2030	Vốn ngân sách nhà nước	Vốn ngoài ngân sách nhà nước	
5	Nâng cấp đê biển giai đoạn 3 (xử lý xói lở bờ biển Gò Công đoạn từ cầu Rạch Bùn đến Đèn Đỏ)							
	Dự án Xói lở bờ biển Gò Công (Xói lở bờ biển Gò Công và xói lở bờ biển phía Nam khu du lịch Gò Công Đông - Đoạn 3)	Huyện Gò Công Đông	Tỉnh Tiền Giang phối hợp các bộ, ngành	x	x	x	x	
6	Đê dự phòng bờ Đông kênh Ba	Huyện Gò Công Đông	Tỉnh Tiền Giang phối hợp các bộ, ngành	x		x	x	
7	Nâng cấp các tuyến đê ven sông Cửa Tiểu vùng dự án ngọt hóa Gò Công							
7.1	- Nâng cấp tuyến đê Bắc Gò Công	Huyện Gò Công Đông	Tỉnh Tiền Giang phối hợp các bộ, ngành		x	x		
7.2	- Nâng cấp tuyến đê Nam Gò Công	Huyện Gò Công Đông	Tỉnh Tiền Giang phối hợp các bộ, ngành		x	x		
8	Nâng cấp các tuyến đê Sông Tra; Đông, Tây rạch Gò Công; Soài Rạp vùng dự án ngọt hóa Gò Công	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	x	x	x		
9	Xây dựng mới tuyến đê biển và các cống dưới đê huyện Tân Phú Đông	Huyện Tân Phú Đông	Tỉnh Tiền Giang phối hợp các bộ, ngành		x	x		
10	Nâng cấp và xây dựng mới các tuyến đê ven sông Cửa Đại, Cửa Trung và Cửa Tiểu	Huyện Tân Phú Đông	Tỉnh Tiền Giang phối hợp các bộ, ngành		x	x		

STT	Các chương trình, dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Địa điểm	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn		Ghi chú
				2024 - 2025	2026 - 2030	Vốn ngân sách nhà nước	Vốn ngoài ngân sách nhà nước	
11	Đê dọc hai bên rạch Bà Từ	Huyện Tân Phú Đông	Tỉnh Tiền Giang		x	x		
12	Xử lý sạt lở bờ sông Tiền khu vực cù lao Tân Phong, xã Tân Phong, huyện Cai Lậy	Huyện Cai Lậy	Tỉnh Tiền Giang	x	x	x		
13	Xử lý sạt lở sông Tiền tại cù lao Thới Sơn, thành phố Mỹ Tho	Thành phố Mỹ Tho	Tỉnh Tiền Giang		x	x		
14	Xử lý sạt lở sông Tiền tại xã Tân Mỹ Chánh (Đoạn từ Tiếp giáp kè Phường 2 đến Vàm Kỳ Hôn)	Thành phố Mỹ Tho	Tỉnh Tiền Giang	x	x	x		
15	Xử lý sạt lở đê ven sông Tiền tại 3 xã Hòa Hưng, An Hữu, Tân Thanh - huyện Cái Bè (đoạn 3)							
15.1	- Đê bao khu vực ven sông Tiền thuộc huyện Cái Bè	Huyện Cái Bè	Tỉnh Tiền Giang		x	x		
15.2	- Dự án xử lý sạt lở đê ven sông Tiền tại 3 xã Hòa Hưng, An Hữu, Tân Thanh - huyện Cái Bè (đoạn 2)	Huyện Cái Bè	Tỉnh Tiền Giang	x	x	x		
16	Công trình chống xói lở cù lao Tân Long, thành phố Mỹ Tho, 1.500m	Thành phố Mỹ Tho	Tỉnh Tiền Giang	x	x	x		
17	Dự án Xói lở bờ sông Tiền (đoạn đầu Vàm Kỳ Hôn, xã Xuân Đông, huyện Chợ Gạo) - Đoạn 2, xã Xuân Đông, huyện Chợ Gạo	Huyện Chợ Gạo	Tỉnh Tiền Giang	x	x	x		

STT	Các chương trình, dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Địa điểm	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn		Ghi chú
				2024 - 2025	2026 - 2030	Vốn ngân sách nhà nước	Vốn ngoài ngân sách nhà nước	
18	Dự án xử lý sạt lở bờ sông Cái Bè (kênh 28), huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang	Huyện Cái Bè	Tỉnh Tiền Giang	x	x	x		
19	Cụm công trình xử lý sạt lở tại các xã	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	x	x	x		
	Xử lý sạt lở các xã Tân Thới, Phú Thạnh, Phú Tân	Huyện Tân Phú Đông	Tỉnh Tiền Giang	x	x	x		
20	Xử lý sạt lở bờ sông Tiền khu vực bến phà Tân Long, huyện Tân Phú Đông	Huyện Tân Phú Đông	Tỉnh Tiền Giang	x	x	x		
21	Xử lý sạt lở bờ sông, kênh, rạch các ô bao bảo vệ bờ cây ăn trái phía Tây	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang		x	x		
V.4	**Hạ tầng cấp nước, thoát nước**							
1	Mạng lưới đường ống cấp nước phía Đông và trạm bơm tăng áp Gò Công	Vùng phía Đông - Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	x	x	x	x	
2	Đầu tư mạng lưới cấp nước thứ cấp phục vụ cấp nước sinh hoạt nông thôn	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	x	x	x	x	
3	Hỗ trợ nâng chất lượng nước của các trạm cấp nước	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	x	x	x	x	

STT	Các chương trình, dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Địa điểm	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn		Ghi chú
				2024 - 2025	2026 - 2030	Vốn ngân sách nhà nước	Vốn ngoài ngân sách nhà nước	
4	Nhà máy nước mặt Hội Xuân[1]	Huyện Cai Lậy	Tỉnh Tiền Giang	x	x		x	
5	Trạm bơm nước thô và hệ thống ống truyền tải	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	x	x		x	
6	Các công trình thoát nước tại các đô thị	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	x	x	x	x	
7	Nhà máy nước huyện Tân Phước	Huyện Tân Phước	Tỉnh Tiền Giang	x	x		x	
V.5	**Hạ tầng xử lý chất thải**							
1	Khu xử lý nước thải đô thị	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang		x	x	x	
2	Khu xử lý chất thải rắn khu vực phía Tây của tỉnh	Huyện Tân Phước	Tỉnh Tiền Giang	x	x		x	
3	Nhà máy xử lý rác tại bãi rác Bình Tân, huyện Gò Công Tây	Huyện Gò Công Tây	Tỉnh Tiền Giang	x	x		x	
4	Nhà máy xử lý rác Tân Lập 1	Huyện Tân Phước	Tỉnh Tiền Giang	x	x		x	
V.6	**Hạ tầng năng lượng, khoáng sản, cấp điện**							
1	Thăm dò, đánh giá trữ lượng, chất lượng cát biển làm cát san lấp trên địa bàn tỉnh, xây dựng báo cáo nghiên cứu khả thi.	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	x	x	x	x	

[1] Theo Quyết định 1762/QĐ-TTg ngày 31/12/2023 là Nhà máy nước Hiệp Đức, tuy nhiên tỉnh hiệu chỉnh lại thành Nhà máy nước mặt Hội Xuân cho phù hợp với tình hình thực hiện các thủ tục đầu tư của dự án theo quy định.

STT	Các chương trình, dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Địa điểm	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn		Ghi chú
				2024 - 2025	2026 - 2030	Vốn ngân sách nhà nước	Vốn ngoài ngân sách nhà nước	
2	Nhà máy điện gió Tân Thành	Huyện Gò Công Đông	Tỉnh Tiền Giang		x		x	Quyết định số 262/QĐ-TTg ngày 01/4/2024
3	Nhà máy điện rác Tiền Giang	Huyện Tân Phước	Tỉnh Tiền Giang		x		x	Quyết định số 262/QĐ-TTg ngày 01/4/2024
V.7	**Hạ tầng thông tin truyền thông**							
1	Đài Phát thanh - Truyền hình cấp huyện	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	x	x	x		
2	Nâng cấp, bổ sung thiết bị phát thanh - truyền hình theo lộ trình số hóa; thiết bị kỹ thuật Đài Phát thanh và Truyền hình; Xe Truyền hình lưu động, 05 camera chuẩn HD; xây dựng tháp anten phát thanh truyền hình cao 125m	Thành phố Mỹ Tho	Tỉnh Tiền Giang	x	x	x		
3	Đề án chính quyền số tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	x	x	x		

STT	Các chương trình, dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Địa điểm	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn		Ghi chú
				2024 - 2025	2026 - 2030	Vốn ngân sách nhà nước	Vốn ngoài ngân sách nhà nước	
4	Xây dựng Trung tâm bưu chính	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang		x		x	
5	Xây dựng mới trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Tiền Giang	Thành phố Mỹ Tho	Tỉnh Tiền Giang	x	x	x		
6	Công viên phần mềm Mekong	Thành phố Mỹ Tho	Tỉnh Tiền Giang	x	x		x	
VI	**PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG XÃ HỘI**							
1	Bệnh viện Đa khoa vùng (Bệnh viện Đa khoa Tiền Giang), quy mô 500 -1.000 giường	Thành phố Mỹ Tho	Tỉnh Tiền Giang		x	x		
2	Trung tâm Chấn thương chỉnh hình - Phục hồi chức năng thuộc Bệnh viện Đa khoa Tiền Giang	Thành phố Mỹ Tho	Tỉnh Tiền Giang		x	x		
3	Khu trung tâm hành chính thị xã Cai Lậy	Thị xã Cai Lậy	Tỉnh Tiền Giang		x	x	x	
4	Xây dựng mới Trung tâm Văn hóa thị xã Cai Lậy	Thị xã Cai Lậy	Tỉnh Tiền Giang		x	x	x	
5	Trung tâm thể dục thể thao thị xã Cai Lậy	Thị xã Cai Lậy	Tỉnh Tiền Giang	x		x	x	
6	Xây mới Trung tâm Y tế thị xã Cai Lậy	Thị xã Cai Lậy	Tỉnh Tiền Giang	x		x		
7	Sửa chữa, nâng cấp mở rộng Bệnh viện ĐKKV Cai Lậy, Gò Công	Thị xã Cai Lậy; thị xã Gò Công						

STT	Các chương trình, dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Địa điểm	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn		Ghi chú
				2024 - 2025	2026 - 2030	Vốn ngân sách nhà nước	Vốn ngoài ngân sách nhà nước	
7.1	Sửa chữa, nâng cấp mở rộng Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cai Lậy	Thị xã Cai Lậy	Tỉnh Tiền Giang	x		x		
7.2	Sửa chữa, nâng cấp mở rộng Bệnh viện Đa khoa Khu vực Gò Công	Thành phố Gò Công	Tỉnh Tiền Giang		x	x		
8	Sửa chữa, nâng cấp, mở rộng các Trung tâm Y tế và Phòng khám đa khoa huyện; xây mới, sửa chữa, nâng cấp các Trạm Y tế xã cần thiết khác	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	x	x	x	x	
8.1	Sửa chữa, nâng cấp, mở rộng Trung tâm Y tế huyện Cái Bè	Huyện Cái Bè	Tỉnh Tiền Giang	x		x		
8.2	Sửa chữa, nâng cấp, mở rộng các Trung tâm Y tế huyện Tân Phước	Huyện Tân Phước	Tỉnh Tiền Giang	x		x		
8.3	Sửa chữa, nâng cấp, mở rộng các Trung tâm Y tế huyện Châu Thành	Huyện Châu Thành	Tỉnh Tiền Giang	x		x		
8.4	Sửa chữa, nâng cấp, mở rộng các Trung tâm Y tế huyện Chợ Gạo	Huyện Chợ Gạo	Tỉnh Tiền Giang	x	x	x		
8.5	Sửa chữa, nâng cấp, mở rộng các Trung tâm Y tế huyện Gò Công Tây	Huyện Gò Công Tây	Tỉnh Tiền Giang	x		x		
8.6	Sửa chữa, nâng cấp để tiếp nhận cơ sở Bệnh viện Đa khoa Tiền Giang cũ (Trung tâm Y tế thành phố Mỹ Tho, Chi cục Dân số - Kế	Thành phố Mỹ Tho	Tỉnh Tiền Giang	x		x		

STT	Các chương trình, dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Địa điểm	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn		Ghi chú
				2024 - 2025	2026 - 2030	Vốn ngân sách nhà nước	Vốn ngoài ngân sách nhà nước	
	hoạch hóa gia đình, Trung tâm Pháp Y, Trung tâm Giám định Y khoa)							
8.7	Sửa chữa, nâng cấp, mở rộng Trung tâm Y tế Cai Lậy (cơ sở Phú Cường)	Huyện Cai Lậy	Tỉnh Tiền Giang		x	x		
8.8	Sửa chữa, nâng cấp, mở rộng Trung tâm Y tế Gò Công Đông (cơ sở Tân Tây)	Gò Công Đông	Tỉnh Tiền Giang		x	x		
9	Xây mới Bệnh viện Mắt Tiền Giang.	Thành phố Mỹ Tho	Tỉnh Tiền Giang		x	x		
10	Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Lao và bệnh phổi	Thành phố Mỹ Tho	Tỉnh Tiền Giang		x	x		
11	Nâng cấp, cải tạo các bệnh viện: Bệnh viện Tâm thần, Bệnh viện Phụ sản, Bệnh viện Y học cổ truyền	Thành phố Mỹ Tho, huyện Châu Thành						
11.1	Nâng cấp, cải tạo Bệnh viện Tâm thần	Huyện Châu Thành	Tỉnh Tiền Giang		x	x		
11.2	Nâng cấp, cải tạo Bệnh viện Phụ sản	Thành phố Mỹ Tho	Tỉnh Tiền Giang		x	x		
11.3	Nâng cấp, cải tạo Bệnh viện y học cổ truyền	Thành phố Mỹ Tho	Tỉnh Tiền Giang		x	x		
12	Xây mới Trung tâm Pháp y	Thành phố Mỹ Tho	Tỉnh Tiền Giang		x	x		
13	Xây mới Trung tâm Giám định Y Khoa	Thành phố Mỹ Tho	Tỉnh Tiền Giang		x	x		
14	Xây mới Trung tâm Y tế Thành phố Mỹ Tho	Thành phố Mỹ Tho	Tỉnh Tiền Giang		x	x		

STT	Các chương trình, dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Địa điểm	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn		Ghi chú
				2024 - 2025	2026 - 2030	Vốn ngân sách nhà nước	Vốn ngoài ngân sách nhà nước	
15	Trường Trung học phổ thông Trần Hưng Đạo	Thành phố Mỹ Tho	Tỉnh Tiền Giang		x	x		
16	Trường Trung học phổ thông Tân Mỹ Chánh	Thành phố Mỹ Tho	Tỉnh Tiền Giang		x	x		
17	Đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng các trường THPT: Huỳnh Văn Sâm, Lưu Tấn Phát, Bình Đông, Tứ Kiệt, Tân Phước, Thủ Khoa Huân, Gò Công Đông, Nguyễn Văn Côn, Gò Công, Phan Việt Thống, Trương Định, Thiên Hộ Dương, Long Định, Nguyễn Văn Tiếp, Chợ Gạo, Vĩnh Bình, Long Bình, Ngô Văn Nhạc, Tân Thới	Tỉnh Tiền Giang						
17.1	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Tiếp	Huyện Tân Phước	Tỉnh Tiền Giang	x		x		Nâng cấp CSVC, trang thiết bị
17.2	Trường Trung học phổ thông Tân Phước	Huyện Tân Phước	Tỉnh Tiền Giang	x		x		Nâng cấp CSVC, trang thiết bị
17.3	Trường Trung học cơ sở - Trung học phổ thông Tân Thới	Huyện Tân Phú Đông	Tỉnh Tiền Giang	x		x		Nâng cấp CSVC, trang thiết bị
17.4	Trường Trung học cơ sở - Trung học phổ thông Ngô Văn Nhạc	Huyện Cái Bè	Tỉnh Tiền Giang		x	x		Nâng cấp CSVC, trang thiết bị

STT	Các chương trình, dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Địa điểm	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn		Ghi chú
				2024 - 2025	2026 - 2030	Vốn ngân sách nhà nước	Vốn ngoài ngân sách nhà nước	
17.5	Trường Trung học phổ thông Thủ Khoa Huân	Huyện Chợ Gạo	Tỉnh Tiền Giang		x	x		Nâng cấp CSVC, trang thiết bị
17.6	Trường Trung học phổ thông Trương Định	Thành phố Gò Công	Tỉnh Tiền Giang		x	x		Nâng cấp CSVC, trang thiết bị
17.7	Trường Trung học phổ thông Gò Công	Thành phố Gò Công	Tỉnh Tiền Giang		x	x		Nâng cấp CSVC, trang thiết bị
17.8	Trường Trung học phổ thông Gò Công Đông	Huyện Gò Công Đông	Tỉnh Tiền Giang	x		x		Nâng cấp CSVC, trang thiết bị
17.9	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Côn	Huyện Gò Công Đông	Tỉnh Tiền Giang	x		x		Nâng cấp CSVC, trang thiết bị
17.10	Trường Trung học cơ sở - Trung học phổ thông Long Bình	Huyện Gò Công Tây	Tỉnh Tiền Giang		x	x		Nâng cấp CSVC, trang thiết bị
18	Đầu tư nâng cấp, cải tạo, xây dựng khối phòng hành chính quản trị, phòng chức năng, phòng phục vụ học tập, phòng học, nhà đa năng và công trình phụ... Các trường trung học cơ sở, tiểu học, mầm non trên địa bàn tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	x	x	x	x	

STT	Các chương trình, dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Địa điểm	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn		Ghi chú
				2024 - 2025	2026 - 2030	Vốn ngân sách nhà nước	Vốn ngoài ngân sách nhà nước	
19	Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị cho các Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên	Tỉnh Tiền Giang						
19.1	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Tân Phước	Huyện Tân Phước	Tỉnh Tiền Giang	x		x		Nâng cấp CSVC, trang thiết bị
19.2	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên huyện Gò Công Tây	Huyện Gò Công Tây	Tỉnh Tiền Giang		x	x		Nâng cấp CSVC, trang thiết bị
19.3	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Gò Công Đông	Huyện Gò Công Đông	Tỉnh Tiền Giang		x	x		Nâng cấp CSVC, trang thiết bị
20	Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Tiền Giang (giai đoạn 3)	Huyện Châu Thành	Tỉnh Tiền Giang	x		x		
21	Trung tâm công tác xã hội	Thành phố Mỹ Tho	Tỉnh Tiền Giang	x		x		
22	Xây mới Trung tâm công tác xã hội khu vực Cai Lậy, Gò Công	Vùng phía Tây và vùng phía Đông						
22.1	Trung tâm công tác xã hội khu vực Cai Lậy	Vùng phía Tây	Tỉnh Tiền Giang		x	x		
22.2	Trung tâm công tác xã hội khu vực Gò Công	Vùng phía Đông	Tỉnh Tiền Giang	x		x		
23	Nhà đa năng, nhà luyện tập thể thao, sân vận động, hồ bơi các huyện	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	x	x	x	x	

STT	Các chương trình, dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Địa điểm	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn		Ghi chú
				2024 - 2025	2026 - 2030	Vốn ngân sách nhà nước	Vốn ngoài ngân sách nhà nước	
24	Hội trường đa năng, thư viện, nhà truyền thống Trung tâm văn hóa - thể thao các huyện	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang					
24.1	Hội trường đa năng + Trụ sở làm việc (Cái Bè)	Huyện Cái Bè	Tỉnh Tiền Giang		x	x		Cải tạo,
24.2	Hội trường đa năng + Trụ sở làm việc (Châu Thành)	Huyện Châu Thành	Tỉnh Tiền Giang		x	x		nâng cấp
24.3	Hội trường đa năng + Trụ sở làm việc (Chợ Gạo)	Huyện Chợ Gạo	Tỉnh Tiền Giang		x	x		Cải tạo,
24.4	Hội trường đa năng + Trụ sở làm việc (Gò Công Tây)	Huyện Gò Công Tây	Tỉnh Tiền Giang		x	x		nâng cấp
24.5	Trụ sở Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh (Tân Phước)	Huyện Tân Phước	Tỉnh Tiền Giang	x		x		Xây mới
24.6	Hội trường nhà đa năng (Tân Phước)	Huyện Tân Phước	Tỉnh Tiền Giang	x		x		Xây mới
24.7	Hội trường đa năng (Tân Phú Đông)	Huyện Tân Phú Đông	Tỉnh Tiền Giang	x		x		Xây mới
25	Hạ tầng khu thực nghiệm công nghệ sinh học tỉnh Tiền Giang	Huyện Tân Phước	Tỉnh Tiền Giang		x	x		
26	Hoa viên nghĩa trang thành phố Mỹ Tho	Thành phố Mỹ Tho	Tỉnh Tiền Giang	x	x		x	
27	Trung tâm Dưỡng lão huyện Tân Phước	Huyện Tân Phước	Tỉnh Tiền Giang	x	x	x	x	

STT	Các chương trình, dự án dự kiến ưu tiên đầu tư	Địa điểm	Cơ quan chủ trì, phối hợp	Phân kỳ đầu tư		Ưu tiên sử dụng nguồn vốn		Ghi chú
				2024 - 2025	2026 - 2030	Vốn ngân sách nhà nước	Vốn ngoài ngân sách nhà nước	
28	Công viên nghĩa trang nhân dân thành phố Gò Công	Thành phố Gò Công	Tỉnh Tiền Giang	x	x		x	
VII	**BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC**							
1	Hoàn thiện mạng lưới quan trắc Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang		x	x	x	
2	Tăng cường năng lực quản lý chất lượng môi trường không khí và nước	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang		x	x	x	
3	Tăng cường năng lực quản lý chất thải nhựa trên địa bàn Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang		x	x	x	
VIII	**AN NINH - QUỐC PHÒNG**							
1	Trụ sở làm việc công an các xã	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	x		x		
2	Đại đội Trinh sát cơ giới	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	x		x		Trụ sở làm việc
3	Trụ sở làm việc quân sự các xã	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	x		x		
4	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Công an các huyện, thành, thị	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang		x	x		
5	Mở rộng trụ sở Ban chỉ huy quân sự huyện	Tỉnh Tiền Giang	Tỉnh Tiền Giang	x	x	x		

Ghi chú:

(1) Việc triển khai thực hiện các dự án nêu tại Phụ lục phải đảm bảo phù hợp với các quy hoạch có liên quan; đảm bảo thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo các quy định của pháp luật có liên quan.

(2) Về tên gọi, quy mô, diện tích sử dụng đất, nguồn vốn, tổng mức đầu tư của các dự án trong danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối vốn đầu tư của từng thời kỳ.

(3) Các dự án, công trình khác ngoài danh mục trên căn cứ vào các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch ngành, quy hoạch vùng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành của địa phương... được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt.

(4) Việc triển khai các dự án năng lượng (điện mặt trời, điện gió, điện khí, nhiệt điện): Thực hiện theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(5) Đối với các dự án không thuộc danh mục dự án dự kiến ưu tiên đầu tư thì thực hiện theo các quy hoạch, kế hoạch, chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở phù hợp với điều kiện thực tiễn và khả năng huy động nguồn lực triển khai thực hiện.